

PHÁT TRIỂN NỀN KINH TẾ TRI THỨC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

HOÀNG THỊ BÍCH PHƯƠNG* -
NGUYỄN VĂN NHẬT**

Hơn hai thập kỷ vừa qua, thế giới đã và đang có những chuyển biến to lớn trong lĩnh vực kinh tế - xã hội. Một trong những yếu tố đó là sự bùng nổ của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, đặc biệt là công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới..., tạo cơ sở từng bước chuyển từ kinh tế tài nguyên sang kinh tế tri thức. Vì vậy, phát triển kinh tế tri thức là xu thế tất yếu, Việt Nam phải nhanh chóng bắt nhịp với xu thế của thời đại, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa phát triển nhanh bền vững, hiện thực hóa mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Từ khóa: Kinh tế tri thức; cách mạng công nghiệp 4.0; khoa học - công nghệ; nguồn nhân lực.

Over the past two decades, the world has been witnessing great changes in the socio-economic field, including the explosion of the science and technology revolution, especially modern technology such as information technology, biotechnology, new material technology, etc, created a basis for the step-by-step transition from a resource-based economy to a knowledge-based economy. Development of a knowledge-based economy is inevitable and Viet Nam should quickly catch up with the trend of the times, accelerate industrialization and modernization for rapid and sustainable development and realization of the set socio-economic development goals.

Keywords: Knowledge-based economy; industrial revolution 4.0; science and technology; human resources.

NGÀY NHẬN: 10/5/2022

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/6/2022

NGÀY DUYỆT: 18/7/2022

1. Đặt vấn đề

Nền kinh tế tri thức (KTTT), còn gọi là kinh tế dựa vào tri thức (knowledge based Economy) và trên cơ sở phát triển khoa học - công nghệ (KHCN) cao. Theo Ngân hàng Thế giới (WB) đánh giá: “Đối với các nền kinh tế tiên phong trong nền kinh tế thế giới, cán cân giữa hai yếu tố tri thức và các nguồn lực đang nghiêng về tri thức. Tri thức thực sự đã trở thành yếu tố quan trọng nhất quyết định

mức sống - hơn cả yếu tố đất đai, yếu tố tư liệu sản xuất và yếu tố lao động. Các nền kinh tế phát triển nhất về công nghệ ngày nay thực sự đã dựa vào tri thức”¹. Bộ Thương mại và Công nghiệp Anh cũng nhận định: “Kinh tế tri thức là nền kinh tế mà việc sản sinh ra và khai thác tri thức có vai trò nổi trội trong quá

* TS, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

** ThS, Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

trình tạo ra của cải”². Từ đó có thể thấy, KTTT là nền kinh tế, trong đó sự sản sinh ra, phổ cập và sử dụng tri thức giữ vai trò quyết định đối với sự phát triển kinh tế, tạo ra của cải, nâng cao chất lượng cuộc sống.

2. Một số đặc điểm của nền kinh tế tri thức

Thứ nhất, tri thức là lực lượng sản xuất trực tiếp. Tri thức là nguồn lực vô hình to lớn, quan trọng nhất trong đầu tư phát triển, nền kinh tế dựa chủ yếu vào tri thức. Nền KTTT lấy tri thức là nguồn lực có vị trí quyết định của sản xuất, là động lực quan trọng nhất cho sự phát triển.

Thứ hai, nền kinh tế dựa ngày càng nhiều vào các thành tựu của KHCN. Nếu trong nền kinh tế công nghiệp, sức cạnh tranh chủ yếu dựa vào tối ưu hóa và hoàn thiện công nghệ hiện có thì KTTT chủ yếu lại dựa vào việc nghiên cứu, sáng tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới. Trong nền KTTT, cơ cấu sản xuất dựa ngày càng nhiều vào việc ứng dụng các thành tựu của KHCN, đặc biệt là công nghệ chất lượng cao. Các quyết sách kinh tế được tri thức hóa.

Thứ ba, cơ cấu lao động được chuyển dịch theo hướng ngày càng coi trọng lao động trí tuệ. Trong nền KTTT, cơ cấu lao động chuyển dịch theo hướng giảm số lao động trực tiếp làm ra sản phẩm, tăng số lao động trí tuệ. Lao động trí tuệ chiếm tỷ trọng ngày càng cao. Nguồn nhân lực (NNL) nhanh chóng được tri thức hóa, sự sáng tạo, đổi mới, học tập trở thành nhu cầu thường xuyên đối với mọi người. Học suốt đời, xã hội học tập là nền tảng của KTTT.

Thứ tư, quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng. Quyền sở hữu trí tuệ là sự bảo đảm pháp lý cho tri thức và sự đổi mới sáng tạo sẽ tiếp tục được tạo ra, duy trì và phát triển. Nền KTTT, nguồn lực, trí tuệ và năng lực đổi mới là hai nhân tố then chốt để đánh giá khả năng cạnh tranh, tiềm năng

phát triển và sự thịnh vượng của một quốc gia. Các tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ ngày càng trở nên quan trọng. Việc bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được xem là một nguyên tắc cơ bản trong sự vận động và phát triển của nền KTTT.

Thứ năm, nền KTTT là nền kinh tế toàn cầu. Nền KTTT chỉ được hình thành và phát triển khi lực lượng sản xuất xã hội đã phát triển ở trình độ cao, phân công lao động mang tính quốc tế và theo đó là hệ thống sản xuất mang tính kết nối giữa các doanh nghiệp (DN) các quốc gia trong một chuỗi giá trị sản phẩm, bởi vậy, nó mang tính toàn cầu hóa.

Ngoài ra, nền KTTT còn là một nền kinh tế hướng đến sự phát triển bền vững, thân thiện với môi trường; nền kinh tế làm thay đổi cơ cấu xã hội và thang giá trị xã hội, xuất hiện các cộng đồng dân cư kiểu mới.

Để phát triển KTTT cần những tiên đề:
 (1) Thể chế kinh tế và môi trường xã hội thuận lợi cho sáng tạo và sử dụng tri thức;
 (2) Hệ thống giáo dục - đào tạo có chất lượng cao;
 (3) Hạ tầng cơ sở thông tin (ICT) hiện đại;
 (4) Hệ thống sáng tạo có hiệu quả;
 (5) Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

3. Thực trạng về sự phát triển nền kinh tế tri thức hiện nay ở Việt Nam

Trước sự phát triển mạnh mẽ của KHCN nhiều quốc gia châu Á, như: Trung Quốc, Ấn Độ, Ma-lai-xi-a, Thái Lan..., cũng đang đẩy mạnh phát triển KTTT. Việt Nam đã và đang thúc đẩy phát triển KTTT gắn với kinh tế số. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã khẳng định: “Phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Phải đổi mới tư duy và hành động, chủ động nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư gắn với quá trình hội nhập quốc tế để cơ cấu lại nền kinh tế, phát triển

kinh tế số, xã hội số, coi đây là nhân tố quyết định để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh”³. Như vậy, Việt Nam muốn phát triển KTTT phải nắm bắt, khai thác, sử dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật, công nghệ hiện đại với phương châm tăng tốc, đi tắt đón đầu, bỏ qua lối mòn của các nước đi trước.

Phát triển nền KTTT là cơ hội để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước phù hợp với xu thế chung của thời đại, qua đó đã gạt hái được một số thành tựu nhất định:

(1) *Về chỉ số KTTT (KEI) và chỉ số tri thức (KI)*: trong Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011 - 2020, Chính phủ cũng đã khẳng định: “Phát triển khoa học - công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững”. Từ đó, đã rất coi trọng việc tạo động lực cho việc hình thành và phát triển KTTT nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hiệu quả tạo sức cạnh tranh của nền kinh tế. Vì vậy, chỉ số KEI của Việt Nam hiện đang là 3,51, trong đó chỉ số sáng tạo là 2,72⁴.

(2) *Về giáo dục và đào tạo*: theo Báo cáo của WB năm 2020, chỉ số vốn nhân lực của Việt Nam đứng thứ 38/174 nền kinh tế. Trong đó, thành phần giáo dục của Việt Nam đứng thứ 15, tương đương với các nước, như: Hà Lan, Niu Di-lân, Thụy Điển⁵. Theo kết quả xếp hạng các quốc gia tốt nhất về giáo dục năm 2021 của Tạp chí US News (Hoa Kỳ), Việt Nam xếp thứ 59, tăng 5 bậc so với năm 2020 (trước đó, vào năm 2020, Việt Nam đứng thứ 64/73 quốc gia được xếp hạng)⁶.

(3) *Công nghệ thông tin, truyền thông (ICT)*: đây là chỉ số tăng mạnh nhất của Việt Nam trong bốn trụ cột của KTTT. Theo số liệu thống kê năm 2020, Việt Nam đang xếp thứ 13 trong top 20 quốc gia có số dân sử dụng mạng internet đông nhất thế giới. Có thể nói, KTTT Việt Nam có nhiều ưu thế nổi

trội ở một số lĩnh vực như cơ sở hạ tầng số hóa và ICT. Từ đó cho thấy, Việt Nam là quốc gia có tiềm năng và triển vọng phát triển hạ tầng chuyển từ KTTT sang kinh tế số trong thời gian tới với tốc độ nhanh hơn⁷.

(4) *Chỉ số đổi mới sáng tạo*: Việt Nam đạt vị trí 46 trên toàn cầu và thuộc nhóm 10 nước dẫn đầu khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong Nature Index tính từ ngày 01/3/2021 - 28/02/2022 với số điểm 103⁸. Kết quả đó khẳng định, Việt Nam luôn kiên quyết với con đường “đi tắt, đón đầu” và sự chuyển biến tích cực với nhiều thành tựu trong nghiên cứu, góp phần tạo luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế.

(5) *Môi trường kinh doanh và thể chế*: với chính sách đổi mới, cải cách thủ tục hành chính ở các cấp chính quyền được đơn giản hóa và cụ thể,... đã thu hút nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước, góp phần điều tiết vĩ mô, tăng trưởng kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế, có kim ngạch xuất khẩu khá và đang tiếp tục lớn mạnh. Đặc biệt, Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) đã góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, đó chính là nhân tố hết sức quan trọng thu hút sự quan tâm của các DN vào kinh doanh ở Việt Nam.

Tuy nhiên, thực tế phát triển KTTT trong bối cảnh bùng nổ của KHCN đang đứng trước nhiều thách thức:

(1) Một số quy định về đất đai, đăng ký tài sản, giao dịch điện tử, thương mại điện tử, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, bảo vệ dữ liệu cá nhân, quy định về giải quyết tranh chấp thương mại..., đang cần được sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới cho phù hợp với tình hình thực tế.

(2) NNL đầu tư cho KTTT, KHCN tuy đã có sự cải thiện, song vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế. Cơ sở vật chất kỹ thuật và

trang thiết bị cho hoạt động KHCN còn thiếu và chưa đồng bộ. Ở một số địa phương, ngân sách đầu tư phát triển cho KHCN chưa được phân bổ, sử dụng đúng mục đích; máy móc, trang thiết bị của các trung tâm ứng dụng tiến bộ KHCN, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng chưa được đầu tư, mua sắm kịp thời.

(3) NNL cho KTTT vẫn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng, điều đó đã được phản ánh qua năng xuất lao động thấp. Theo đánh giá của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) năm 2019, năng suất lao động Việt Nam thuộc nhóm thấp ở châu Á - Thái Bình Dương và ở ASEAN: chỉ bằng 1/15 so với Xinh-ga-po; bằng 1/5 so với Ma-lai-xi-a và 2/5 so với Thái Lan, gần 1/2 của In-đô-nê-xi-a, gần 3/5 của Phi-líp-pin, gần 7/10 của Bru-nây và bằng gần 9/10 của Lào, chỉ cao hơn Cam-pu-chia. Chất lượng NNL thấp là hệ quả trực tiếp của chất lượng đào tạo, vì vậy, ở nhiều công ty, DN sản xuất - kinh doanh, những vị trí đòi hỏi kỹ thuật cao thường do lao động nước ngoài đảm nhận⁹.

4. Một số giải pháp cơ bản nhằm phát triển nền kinh tế tri thức ở Việt Nam

Một là, hoàn thiện thể chế và hệ thống pháp luật để bảo đảm vai trò của Nhà nước.

Trong giai đoạn hiện nay, Nhà nước cần tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật phù hợp với cơ chế thị trường và thông lệ quốc tế. Cơ chế, chính sách phải thực sự khuyến khích phát triển mô hình kinh doanh mới, kinh tế số, xã hội số buộc các DN phải luôn đổi mới, nhất là các DN kinh doanh sản phẩm mới, công nghệ mới. Đồng thời, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, chống độc quyền.

Việc ban hành và tổ chức thực hiện một số chính sách về thu hút và sử dụng nhân tài cần được thực hiện đồng bộ, có hệ thống, bảo đảm tính thống nhất với các chính sách khác của Nhà nước. Bên cạnh đó, phát triển

hệ sinh thái khởi nghiệp và khuyến khích tinh thần khởi nghiệp bằng cách thành lập các tổ chức, trung tâm hỗ trợ, tạo điều kiện tốt nhất cho các DN trẻ khởi nghiệp; quan tâm phát triển các tập đoàn công nghệ trở thành trụ cột của kinh tế quốc gia. Mặt khác, khuyến khích các địa phương tạo ra những lợi thế cạnh tranh riêng bằng cách đổi mới, sáng tạo dựa trên lợi thế đặc trưng của từng vùng, khu vực để phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, phát triển và nâng cao chất lượng NNL đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

NNL, nhất là nhân lực chất lượng cao là lực lượng tinh túy, quan trọng cấu thành NNL của quốc gia, nhân tố quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Để có được NNL chất lượng cao, phải tạo được sự chuyển biến căn bản, mạnh mẽ về chất lượng, hiệu quả của giáo dục - đào tạo. Vì, giáo dục - đào tạo đóng vai trò quan trọng trong nhiệm vụ tạo ra tri thức, phát triển tri thức, đồng thời quảng bá tri thức. Sử dụng tri thức là quá trình đổi mới, biến tri thức thành giá trị, đưa tri thức vào trong các hoạt động xã hội của con người.

Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã xác định: “Tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, chú trọng một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bất kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với khu vực và thế giới”¹⁰.

Ba là, chú trọng đầu tư hạ tầng, công nghệ thông tin.

Công nghệ thông tin là chìa khóa để đi vào KTTT. Muốn rút ngắn quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, rút ngắn khoảng

cách với các nước, phải khắc phục khoảng cách về công nghệ thông tin. Đặc biệt, trong bối cảnh đại dịch Covid-19 còn diễn biến phức tạp trên thế giới, đây là tình huống xuất hiện các ngành, lĩnh vực mới liên quan đến chuyển đổi số, vừa là cơ hội, vừa là thách thức để phát triển mạnh mẽ kinh tế số, xã hội số trong thời gian tới. Trước đòi hỏi đó, cần tập trung nguồn lực phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, có chính sách khuyến khích DN đầu tư và phát triển, kinh doanh công nghệ mới. Mặt khác, xây dựng các trung tâm thông tin - tư liệu, đặc biệt là thư viện điện tử kết nối các trường đại học trong và ngoài nước, các phòng thí nghiệm quốc gia, các trường đại học trọng điểm, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục, nâng cao năng lực sử dụng ngoại ngữ và trao đổi tri thức cho học sinh, sinh viên.

Bốn là, đẩy mạnh đầu tư nghiên cứu KHCN.

Tăng cường năng lực KHCN quốc gia để có thể tiếp thu, làm chủ, vận dụng sáng tạo các tri thức KHCN mới nhất của thế giới, từng bước xây dựng nền KHCN tiến tiến của Việt Nam. Đổi mới cơ chế quản lý nhà nước về KHCN, cơ chế đó phải thực sự gắn kết với sản xuất - kinh doanh phục vụ trực tiếp công cuộc phát triển kinh tế - xã hội... Cùng với đó, việc đầu tư nghiên cứu (chú trọng KHCN cùng với khoa học - xã hội và nhân văn), đẩy mạnh ứng dụng thành tựu KHCN tiên tiến, hiện đại vào các khâu, các lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Tạo môi trường thuận lợi cho quá trình chuyển giao, đổi mới công nghệ, nâng cao sức sản xuất và cạnh tranh của DN. Thúc đẩy gắn kết các trường đại học, các viện nghiên cứu với DN để đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào phục vụ sản xuất và đời sống. Khuyến khích thành lập Quỹ phát triển KHCN trong các DN, hình thành các quỹ đầu tư mạo hiểm cho KHCN thông qua việc huy động các nguồn lực xã hội.

5. Kết luận

Phát triển KTTT đã trở thành yêu cầu tất yếu đối với nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việc tiếp tục đẩy mạnh phát triển KTTT theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng là góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra □

Chú thích:

1. Nhận diện về kinh tế tri thức - OSF. <https://osf.io>, ngày 13/12/2020.

2. Kinh tế tri thức. <https://wikipedia.org>, truy cập ngày 20/4/2022.

3, 10. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021, tr. 221, 115.

4. *Tái cơ cấu kinh tế, thúc đẩy hoạt động khoa học - công nghệ và đổi mới mô hình tăng trưởng của Việt Nam*. <http://thitruongtaichinh-tiente.vn>, ngày 03/8/2019.

5. WB: *Kết quả giáo dục Việt Nam xếp hạng tương đương các nước Hà Lan, New Zealand, Thụy Điển*. <https://baoquocte.vn>, ngày 06/01/2021.

6. *Việt Nam đứng thứ 59 trong xếp hạng các quốc gia tốt nhất về giáo dục*. <https://vneconomy.vn>, ngày 07/5/2022.

7. *Việt Nam trong top 20 nước có số người sử dụng internet cao nhất thế giới*. <http://ictvietnam.vn>, 15/12/2020.

8. *2020 Tables: Countries/Territories in Asia-Pacific*. <https://www.natureindex.com>, 1 March 2021 - 28 February 2022.

9. *Quyết định số 897/QĐ-TTg ngày 26/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045*.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I, II*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

2. Trần Thị Vân Hoa (chủ biên). *Cách mạng công nghiệp 4.0 - Vấn đề đặt ra cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế của Việt Nam*. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2018.

3. *Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam trong cách mạng công nghiệp 4.0*. <https://tapchitaichinh.vn>, ngày 03/5/2022.

4. *Phát triển kinh tế tri thức ở Việt Nam theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng*. <http://lyluanchinhtri.vn>, ngày 30/4/2022.